

**TANDTP. PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

---*---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----***-----

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2020.

*V/v tranh chấp: “Ly hôn,
Nuôi con chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Xuân – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kiều Thu.
2. Ông Đỗ Văn Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Thái – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố C, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 35/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020, và Quyết định hoãn phiên tòa số 179/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1989. *Có mặt*

***Bị đơn:** Ông Ngô Công N, sinh năm: 1982. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Khu phố 05, phường M, thành phố C, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2019, bản tự khai, và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ngô Công N tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 190, quyển số 01 ngày 26/7/2007 của UBND phường M, thành phố C, tỉnh Bình Thuận;

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm, trong thời gian chung sống vợ chồng cũng có những mâu thuẫn nhỏ do bất đồng quan điểm, nhưng vợ chồng vẫn cố gắng dần xếp hòa giải. Đến khoảng năm 2019 thì ông N sa vào cờ bạc, hay la cà quán xá ăn nhậu, không chăm lo hạnh phúc gia

đình, bà đã nhiều lần góp ý nhưng ông N không thay đổi, do vậy khoảng tháng 12/2019 (trước Tết Canh Tý) bà đã bỏ về nhà cha mẹ để sống cho đến nay;

Bà nhận thấy trong thời gian nộp đơn ly hôn cho đến thời điểm xét xử hiện nay ông N vẫn không thay đổi được cách sống của bản thân, do vậy bà xác định cuộc sống chung vợ chồng nếu có tiếp tục cũng không đem lại hạnh phúc. Do vậy bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Công N;

Về con chung: Vợ chồng ông, bà có 02 con chung tên: Ngô Nguyễn Nguyên T (nữ) sinh ngày 21/9/2007, Ngô Công L (nam) sinh ngày 09/3/2014; Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung sau ly hôn.

Về trợ cấp nuôi con chung: bà L rút yêu cầu về trợ cấp nuôi con chung đã thể hiện tại đơn yêu cầu khởi kiện đề ngày 30/12/2019; Bà không yêu cầu ông N trợ cấp nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ chung.

Về án phí: Bà sẽ chịu án phí theo quy định pháp luật.

***Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải của Tòa án thành phố C cùng ngày 21/02/2020 bị đơn ông Ngô Công N trình bày ý kiến như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Kim L là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND phường M từ năm 2007.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc, cũng có đôi lúc mâu thuẫn nhỏ nhất nhưng đều dàn xếp được, ông có chơi cờ bạc, số đề nhưng không thường xuyên và do làm nghề đi biển nên thường xuyên ăn nhậu với bạn bè, trong lúc say rượu thì cũng có va chạm với gia đình nhà vợ nhưng cũng không có gì nặng nề. Ông cho rằng vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì lớn, ông vẫn còn tình cảm với vợ, không muốn con cái chia lìa cha mẹ nên bà L làm đơn xin ly hôn ông không đồng ý.

Ông cũng xác định: Từ tháng 12/2019 bà L có bỏ về nhà mẹ không chịu chung sống với ông từ đó cho đến nay, ông đề nghị Tòa án tác động hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Ngô Nguyễn Nguyên T (nữ) sinh năm 2007, Ngô Công L (nam) sinh năm 2014 .

Nếu tòa án xử cho bà L ly hôn thì ông đồng ý giao 02 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, ông không yêu cầu Tòa giải quyết trợ cấp nuôi con chung;

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông khai không có nợ chung.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

***Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.**

**Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề xuất ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án như sau:*

[1] Việc tuân theo thủ tục tố tụng:

-Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự theo quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, tuân thủ đúng việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và đã thực hiện việc cấp tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng đúng theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và chấp hành, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn đã được niêm yết công khai các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ý kiến giải quyết về nội dung vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông N đã sống ly thân một thời gian do mâu thuẫn bất đồng quan điểm, cho đến nay vợ chồng ông bà vẫn tiếp tục sống ly thân; Chứng tỏ quan hệ vợ chồng của ông bà đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng; Ông N thể hiện yêu cầu không muốn ly hôn nhưng lại không đến tham gia phiên tòa chứng tỏ ông cũng không muốn hòa giải đoàn tụ, do vậy đề nghị Tòa án áp dụng điều 51, 53 khoản 01 điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

-Về con chung: Đề nghị giao hai con chung tên Ngô Nguyễn Nguyên T (nữ) sinh ngày 21/9/2007, Ngô Công L (nam) sinh ngày 09/3/2014 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, theo yêu cầu của các bên đương sự. Bà L rút yêu cầu trợ cấp nuôi con chung, không yêu cầu ông N phải góp phí tổn nuôi con chung, nên đề nghị Tòa đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về trợ cấp nuôi con chung.

-Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Theo đơn khởi kiện và tài liệu kèm theo do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn ông Ngô Công N thường trú tại khu phố 05, phường M, thành phố C, tỉnh Bình Thuận. Do vậy vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố C, theo quy định tại khoản 01 điều 28, điểm a khoản 01 điều 35, điểm a khoản 01 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

[2] Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Ngô Công N; Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Ngô Công N vắng mặt lần 2 không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử sơ thẩm vắng mặt bị đơn theo qui định tại các điều 227 và điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

****Về giải quyết nội dung tranh chấp trong vụ kiện:***

[1] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim L và ông Ngô Công N là hợp pháp, vì ông bà có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 190, quyển số 01 ngày 26/7/2007 của UBND phường M, thành phố C, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L kiện xin ly hôn ông Ngô Công N vì xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, do ông N hay ăn nhậu cờ bạc bà góp ý ngăn cản không được nên bà đã bỏ về nhà cha mẹ sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Ông Ngô Công N không phản đối những nội dung bà L trình bày nêu trên. Do vậy theo quy định tại khoản 02 điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự, đủ căn cứ để Hội đồng xét xử nhận định: Việc mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là có thật và ông bà đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2019 đến nay, vợ chồng ông bà hiện đang cùng sống tại địa phương nhưng vợ chồng ông bà đã không còn chung sống với nhau như một gia đình, mạnh ai nấy sống, không cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, chứng tỏ: Mâu thuẫn vợ chồng ông bà là trầm trọng, đòi sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 01 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2] ***Về con chung:*** Vợ chồng ông bà có 02 con chung tên: Ngô Nguyễn Nguyên T (nữ) sinh ngày 21/9/2007, Ngô Công L (nam) sinh ngày 09/3/2014;

Nguyên đơn yêu cầu được nuôi cả hai con chung sau ly hôn: Xét thấy bà Nguyễn Thị Kim L hiện có nghề nghiệp, có thu nhập và sức khỏe, đủ điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung; Đồng thời ông N cũng đồng ý giao cả hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn; Con chung cũng có nguyện vọng được mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận giao cả hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về việc trợ cấp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2019 bà L yêu cầu ông N phải trợ cấp nuôi con chung 3.000.000đ/tháng; Nhưng tại phiên tòa bà L đã rút yêu cầu về trợ cấp nuôi con chung, bà L không yêu cầu tòa án giải quyết trợ cấp nuôi con chung sau ly hôn; Xét việc rút yêu cầu này là tự nguyện không trái đạo đức xã hội, bị đơn là ông N cũng không có yêu cầu phản tố nội dung này, nên Hội đồng xét xử căn cứ

quy định tại khoản 02 điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự, đình chỉ yêu cầu của bà L về việc trợ cấp nuôi con chung; Các đương sự được quyền kiện khởi riêng về trợ cấp nuôi con chung theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên, Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nợ chung.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 04 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiền tạm ứng án phí 300.000đ, do bà Nguyễn Thị Kim L nộp tại biên lai số 0005394 ngày 05/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C sẽ được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Căn cứ: Khoản 01, khoản 02 Điều 19, Điều 51, Điều 53, khoản 01 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với ông Ngô Công N;

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Ngô Công N có 02 con chung tên: Ngô Nguyễn Nguyên T (nữ) sinh ngày 21/9/2007, Ngô Công L (nam) sinh ngày 09/3/2014;

Tuyên buộc ông Ngô Công N phải giao hai con chung tên: Ngô Nguyễn Nguyên T (nữ) sinh ngày 21/9/2007, Ngô Công L (nam) sinh ngày 09/3/2014 cho bà Nguyễn Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Ngô Công N đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, sau ly hôn. Không ai được quyền cản trở, gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[3] Căn cứ quy định tại khoản 02 điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự: Đình chỉ yêu cầu của Nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L về việc trợ cấp nuôi con chung đã thể hiện tại đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2019; Các đương sự được quyền kiện khởi riêng về trợ cấp nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Ông N và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nợ chung nên Tòa không xét .

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Tiền tạm ứng án phí 300.000đ, do bà L nộp tại biên lai số số 0005394 ngày 05/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C sẽ được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Bà L đã nộp xong án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày tròn kể từ ngày được niêm yết hoặc tổng đạt bản án.

Nơi nhận :

- Tòa án Tỉnh;
- VKS Tp. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- UBND phường Đức Long;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Như Xuân

